TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-7-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn V Nhòng;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa: Ông Phạm V Nguyện, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, (Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2022), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Hồng V, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị T, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phạm Hồng V trình bày:

Ông Phạm Hồng V và bà Phạm Thị T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện T từ ngày 03/6/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp; mặt khác do bà T không có trách nhiệm với gia đình ông V. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 10/2012 đến nay, bà T bỏ về nhà

mẹ đẻ nên vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, ông V yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 4 năm 2022 và biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2022, bị đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

Về điều kiện, thời gian vợ chồng kết hôn như ông Phạm Hồng V trình bày là đúng thực tế. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do gia đình ông V đối xử không tốt với bà; bố mẹ đẻ, anh em ông V nhiều lần chửi bà, trong khi ông V nhu nhược, nghe theo gia đình đối xử lạnh nhạt với bà. Do đó, tháng 10/2012, bà T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Ông V cũng không đến tìm bà nên vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Nay, ông V xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Mặt khác, ông V xin ly hôn mục đích là quay lại đoàn tụ với vợ cũ. Bà Thành chỉ đồng ý ly hôn nếu ông V trả bà 20.000.000 đồng, tiền công sức bà đi làm và lo toan cho gia đình ông V.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Đối với số tiền 20.000.000 đồng nêu trên là điều kiện bà đặt ra, nếu ông V muốn bà đồng ý ly hôn thì phải trả bà số tiền này, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà sẽ tự giải quyết với ông V.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của ông Phạm Hồng V: Xử cho ông V được ly hôn bà Phạm Thị T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Ông V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Ông Phạm Hồng V khởi kiện xin ly hôn bà Phạm Thị T hiện đang cư trú tại thôn H, xã C, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Bị đơn là bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà Thành vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Thành.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Hồng V và bà Phạm Thị T được xác lập từ ngày 03/6/2009 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 10/2012 đến nay, bà Thành bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống nên vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay, ông V xin ly hôn, bà T không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên, xét thấy, do mâu thuẫn vợ chồng ông V và bà T đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm đến nhau từ tháng 10/2012 đến nay. Như vậy, đã đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông V, bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, cho ông được ly hôn bà Thành là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông V và bà T không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông V và bà T đều xác nhận, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, ông V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông V được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Hồng V được ly hôn bà Phạm Thị T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Phạm Hồng V. Trả lại ông V 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006196 ngày 28/02/2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Q, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Chi